

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **122/2023/DS-ST**
Ngày: 09/10/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Ông Nguyễn Tường Bích.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128A/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đỗ Thị Kim L**, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 04/8/2023.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Lê Văn C, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Sân Banh, xã TL, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2023, đơn yêu cầu thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn Đỗ Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 15/4/2019, bà Đỗ Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị L vay số tiền 230.000.000 đồng, có lập giấy nhận nợ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả.

Do công việc làm ăn của bà Nguyễn Thị L bị vỡ hụi. Sau khi hai bên bàn tính lại, số tiền hụi và tiền vay mà bà Nguyễn Thị L còn thiếu lại là 190.000.000 đồng. Việc bị đơn Nguyễn Thị L vay tiền và làm chủ hụi là nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Đỗ Thị Kim L vẫn giữ nguyên quan điểm tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/8/2023, cụ thể nguyên đơn Đỗ Thị Kim L yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền hụi và tiền vay còn thiếu là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

(Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy nhận nợ, bút lục số 03)

* Tại bản tự khai ngày 04/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị L trình bày:

Bị đơn Nguyễn Thị L thừa nhận còn nợ nguyên đơn Đỗ Thị Kim L số tiền hụi và tiền vay là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên không có điều kiện hoàn trả cho nguyên đơn Đỗ Thị Kim L. Mục đích bị đơn Nguyễn Thị L vay tiền và làm chủ hụi là nhằm tạo ra lợi nhuận, phát triển kinh tế gia đình, lấy tiền lời từ hụi phục vụ sinh hoạt gia đình. Bà Nguyễn Thị L và ông C có đăng ký kết hôn năm 1987 tại Ủy ban nhân dân xã TL. Hiện tại, cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông C bình thường. Bà L và ông C vẫn sống chung nhà, mỗi người đóng góp một chút vào sinh hoạt gia đình. Việc bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi, ông C có biết, tuy nhiên mỗi lần bà Nguyễn Thị L nhờ ông C đi góp hụi, bà L đều phải trả tiền công cho ông C 150.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông C từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ hay yêu cầu gì thể hiện quan điểm của ông C trong vụ án.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 47, 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biên phườn.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Kim L, buộc bị đơn Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền hội và tiền vay còn thiếu là 190.000.00 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Ghi nhận việc nguyên đơn Đỗ Thị Kim L tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bà Đỗ Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị L vay tiền, đồng thời là hội viên tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị L làm chủ, do đó quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hội” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C cư trú tại ấp Sân Banh, xã TL, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre, do đó Tòa án nhân dân huyện BĐ có thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án.

Vào ngày 15/4/2019, bà Nguyễn Thị L có vay của bà Đỗ Thị Kim L số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), đồng thời trong khoảng thời gian này, bị đơn Nguyễn Thị L có làm chủ hội và bà Đỗ Thị Kim L là hội viên. Sau đó, bị đơn Nguyễn Thị L bị vỡ hội mất khả năng thanh Toán. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn Nguyễn Thị L đã thực hiện quyền nhận tiền của bên nguyên đơn Đỗ Thị Kim L, tuy nhiên không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo sự thỏa thuận giữa hai bên là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Ngoài ra, bị đơn Nguyễn Thị L là chủ hội đã thực hiện việc góp hội của các hội viên, tuy nhiên bị vỡ hội, mất khả năng thanh toán cho nguyên đơn Đỗ Thị Kim L là vi phạm Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biên phườn. Bị đơn Nguyễn Thị L đã thừa nhận còn thiếu lại nguyên đơn Đỗ Thị Kim L số tiền hội và tiền vay là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) phù hợp với “Giấy nhận tiền ngày 15/4/2019” đây là tình tiết

không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Thị Kim L về việc yêu cầu hoàn trả lại số tiền vay, hui 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim L là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu buộc ông Lê Văn C có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Căn cứ theo Giấy kết hôn giữa bà L và ông C thể hiện có đăng ký kết hôn vào năm 1988 nên bà L và ông C là vợ chồng hợp pháp, hiện vẫn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: mục đích bà L làm chủ hui, vay tiền để phụ lo sinh hoạt trong gia đình với ông C và nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông C có nghĩa vụ liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất:

Ghi nhận việc bà Đỗ Thị Kim L tự nguyện không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

[6] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim L được chấp nhận toàn bộ, nên bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải liên đới chịu án phí của số tiền 190.000.000 đồng là: $190.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.500.000 \text{ đồng}$ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các **điều 463, 466, 471** của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các **điều 27, 30, khoản 2 Điều 37** của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; **điểm b** khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biếu phượng.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị L, ông Lê Văn C về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui*”.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền nợ vay và nợ hui là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị Kim L không yêu cầu tính tiền lãi của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

2.1. Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 9.500.000 đồng. (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

2.2. Bà Đỗ Thị Kim L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007372 ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn Đỗ Thị Kim L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi